TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01/6/2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hùng.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Thanh Tòng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2018/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1986;
ĐKTT: Số 691A ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.
Tạm trú: Số 100 Tổ 1, ấp T, xã R, Thành phố G, tỉnh Kiên Giang.
- Bị đơn: Võ Thành T1, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Số 691A ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị T trình bày: T và T1 đám cưới năm 2012, đăng ký kết hôn ngày 03/12/2013 tại Ủy ban nhân xã D. Sau khi kết hôn T và T1 chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2016 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân đến nay. Nguyên nhân trước khi kết hôn với chị T anh T1 đã ly hôn một lần và đã có con riêng và con riêng anh T1 sống chung với anh T1 chị T quá trình sống chung nhiều mâu thuẫn xảy ra không có giải pháp khắc phục, từ đó giữa anh T1 cũng mâu thuẫn cải vả. Từ khi chị T về nhà cha mẹ ruột ở tháng 02/2016 đến nay anh T1 có đến một lần sau khi chị T bỏ đi nhưng chị T không gặp anh T1, từ đó đến đến nay anh T1 không đến và chị T một mình nuôi con. Quá trình chung sống

chị T và anh T1 có 01 con chung tên Võ Thị Ngọc T2, sinh ngày 26/4/2015. T1 sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh T1 và vợ chồng cũng xa nhau hơn 02 năm không có giải pháp hàn gắn nên chị T xin ly hôn với anh T1, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Bị đơn Võ Thành T1 trình bày: Anh T1 và chị T đám cưới năm 2012, đăng ký kết hôn ngày 03/12/2013 tại UBND xã D. Sau khi kết hôn T và T1 chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2016 và xa nhau đến nay. Nguyên nhân do chị T có mâu thuẫn với con riêng của anh T1 vợ chồng cải và chị T bỏ đi từ tháng 02/2016 đến nay, khi chị T bỏ đi anh T1 có đến G kêu T về một lần nhưng T không về từ đó đến nay T1 không đến để tìm cách hàn gắn đàon tụ và thăm con vị T không chịu gặp mặt. Anh T1 và chị T có 01 con chung tên Võ Thị Ngọc T2, sinh ngày 26/4/2015 hiện chị T đang nuôi dưỡng. T1 sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa giải quyết. Nay chị T xin ly hôn anh T1 không đồng ý, nếu chị T cương quyết ly hôn anh T1 đồng ý để chị T nuôi con chung tên Trâm anh T1 không cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra T1 không yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc chị Lê Thị T yêu cầu xin ly hôn với anh T1 và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung khi ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"theo quy định Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Yêu cầu chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp Huyện theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh Võ Thành T1 hiện đang cư trú tại số 691A ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện V.

[2] Về tình cảm hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về các điều kiện kết hôn. Anh, chị đã thực hiện đúng thủ tục đăng ký và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Nhưng hiện tại vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị T cho rằng do trước khi kết hôn với chị T anh T1 đã một lần kết hôn và có con riêng, sau khi chị T kết hôn với anh T1 thì sống chung với con riêng của anh T1 thì giữa chi T và con riêng anh T1 phát sinh mâu thuẫn, anh T1 không khuyên bảo từ đó vợ chồng luôn cải vả bất hòa, nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 02/2016 sống ly thân với anh T1 đến nay. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh T1 và xin ly hôn, anh T1 cũng đồng ý với thời gian kết hôn và nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng. Nay anh T1 không đồng ý ly hôn với chị T. Xét yêu cầu của các đương sự Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh T1 đã không chung sống từ tháng 02/2016 đến nay thời gian đã hơn 02 năm

anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn đoàn tụ. Về bản chất thực của quan hệ hôn nhân giữa chị Tú và anh Lắm đã rơi vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau, nghĩ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tú là có căn cứ phù hợp pháp luật.

[2] Về nuôi con chung: Chị T và anh T1 quá trình chung sống có 01 con chung tên Võ Thị Ngọc T2, sinh ngày 26/4/2015 hiện chị T nuôi dưỡng từ tháng 02/2016 đến nay . Trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên Toà hôm nay chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con tên Trâm, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con theo quy định, anh T1 đồng ý để chị T nuôi con, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn của các đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy: Con chung của chị T và anh T1 tên Võ Thị Ngọc T2, sinh ngày 26/4/2015 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng từ ngày vợ chồng không chung sống tháng 02/2016 đến nay bé Trâm phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần, chị T có thu nhập và chổ ở ổn định. Từ những phân tích trên xét yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con của chị T là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là có căn cứ phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh T1 có nghĩa vụ góp phí tổn nuôi con mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2018 đến khi Võ Thị Ngọc T2, sinh ngày 26/4/2015 đủ 18 tuổi tư lao động sinh sống được.

Anh T1 được quyền thăm con, chăm sóc giáo dục con chung, chị T và các thành viên trong gia đình không ai được quyền cản trở anh T1 thực hiện quyền này.

[3] Về T1 sản chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa giải quyết về T1 sản nênHội đồng xét xử không xem xét phán quyết.

[4] Nợ chung: chị T và anh T1 trình bày không có nợ chung không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình theo Luật định. Anh T1 phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, 9, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, 39, Điều 147, 235, 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T, chị Lê Thị T được ly hôn với anh Võ Thành T1.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Võ Thị Ngọc T2, sinh ngày 26/4/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Võ Thành T1 có nghĩa vụ góp phí tổn nuôi con mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2018 đến khi Võ Thị Ngọc T2 đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được.

Anh T1 được quyền thăm con, chăm sóc giáo dục con chung, chị T và các thành viên trong gia đình không ai được quyền cản trở anh T1 thực hiện quyền này.

- Về T1 sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Chị T có nghĩa vụ nộp 300.000đ T án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000đ T tạm ứng án phí nộp ngày 15/3/2018 theo biên lai số 0001397 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, chị T không phải nộp thêm.

Anh Võ Thành T1 có nghĩa vụ nộp 300.000đồng T án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Án xử có đủ mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết là có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/6/2018).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trương Thị Bích Thủy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.V;
- CC THA-DS H.V;
- Các đ/s;
- Lưu HS, AV.